TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HNGĐ
Ngày: 08-5-2024
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Mạnh Quyết;
2. Ông Võ Đức Huy

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Thái Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thi – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXX-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Cao Thị Mộng N, sinh năm 2000; Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: ông Bùi Công Đ, sinh năm 1999; Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án bà Cao Thị Mộng N trình bày: bà N và ông Đ qua thời gian tìm hiểu đi đến đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Long An vào năm 2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vấn đề kinh tế gia đình. Ông bà thường xuyên gây cãi, bất đồng quan điểm sống, làm cho tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng. Hậu quả, ông bà đã không còn sống chung. Nay bà

N nhận thấy vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, không còn sống chung nên yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Không có. Về tài sản chung: không có. Về nợ chung: không có. Ngoài ra bà N không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Công Đ vắng mặt và không có lời trình bày cũng như ý kiến hay yêu cầu cụ thể nào.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt.

Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An phát biểu: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được bà N yêu cầu ly hôn là phù hợp. Về con chung không có. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Quan hệ hôn nhân giữa bà Cao Thị Mộng N và ông Bùi Công Đ có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Nay bà Cao Thị Mộng N yêu cầu ly hôn, ông Đ đang cư trú tại ấp C, xã T, huyện T, nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Bà Cao Thị Mộng N có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Bùi Công Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Mộng N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do vấn đề kinh tế gia đình dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng.

Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cùng các tài liệu bà N cung cấp gồm đơn khởi kiện có thể hiện rõ lời trình bày của bà N về mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên ông Đ không có ý kiến hay phản đối. Do đó nhận thấy trong thời gian

chung sống giữa bà N và ông Đ đã xảy ra mâu thuẫn nhưng cả hai bên không tìm cách để giải quyết mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây cãi hậu quả ông bà không còn sống chung từ giữa năm 2023 đến nay. Tòa án tiến hành hòa giải cho bà N và ông Đ trở về đoàn tụ song ông Đ không tham gia hòa giải. Tại phiên tòa ông Đ cũng vắng mặt cho thấy ông không còn thiết tha với mối quan hệ hôn nhân này. Bà N cương quyết ly hôn do vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc yêu thương nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, bà N và ông Đ không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà N là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không có

[3]. Tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí sơ thẩm:* bà Cao Thị Mộng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Mộng N đối với ông Bùi Công Đ.

Về quan hệ hôn nhân: bà Cao Thị Mộng N được ly hôn với ông Bùi Công Đ.

2. Về án phí sơ thẩm: bà Cao Thị Mộng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001245 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa sang án phí. Bà N không phải nộp thêm án phí.

3. Về quyền kháng cáo: bà Cao Thị Mộng N và ông Bùi Công Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tuấn